

Bản án số: 813/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/09/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Dũng

Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T: Bà Võ Ngọc Liên Hương- KSV

Ngày 25 tháng 09 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 450/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/06/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/08/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: đường M, phường N, quận K, TP Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường S, phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Đào Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Ngọc Minh Q chung sống có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH quyền số 01/14 ngày 22/10/2015 tại ủy ban nhân dân phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh. cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có ba con chung tên

1, Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/09/2001 (đã trưởng thành)

2, Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23/3/2009

3, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 13/8/2011

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con là N và D, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Minh Q vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày trên, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Minh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị T yêu cầu được ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc Minh Q có nơi cư trú tại đường S, phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh. Xét việc khởi kiện của bà T phù hợp với qui định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH quyền số 01/14 ngày 22/10/2015 tại ủy ban nhân dân phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh thì quan hệ giữa bà T và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng bất đồng quan điểm, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, ông Q đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập hòa giải nhưng không đến Tòa, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, khả năng hàn gắn vợ chồng không có, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Bà T và ông Q có ba con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/09/2001 (đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23/3/2009; Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 13/8/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con là N và D, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, hai trẻ N và D cũng có mong muốn được sống với mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc nuôi con

Về tài sản chung: bà T khai không có, Hội đồng xét xử không xét

Về nợ chung: bà T khai không có, Hội đồng xét xử không xét

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016395 ngày 4/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Minh Q.

- Về con chung: Có ba con chung tên

1, Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/09/2001 (đã trưởng thành)

2, Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23/3/2009

3, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 13/8/2011

Giao hai con chung tên: Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23/3/2009 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày: 13/8/2011 cho bà Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Ngọc Minh Q do bà Đào Thị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà T khai không có .

- Về nợ chung: bà T khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016395 ngày 4/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh...

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;

- VKSND Q. T;

- THADS Q. T;

- UBND phường X, quận T,

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Vân

